TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Bản án số: 46/2020/HSST
Ngày: 30/12/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quang Đ.

2. Ông Hồ Bá Th.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Cao Xuân T - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2020/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị L (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 12/12/1977 tại tỉnh Điện Biên; nơi ĐKHKTT: bản Kê N, xã Thanh M, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện tại: bản Tà L, xã Thanh M, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 06/12 phổ thông; con ông: Trần Văn T (Đã chết) và bà Lò Thị L, sinh năm 1948; có chồng là Lò Văn H, sinh năm 1973 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Thị L bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 11/9/2020 đến ngày 17/9/2020, sau đó áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lường Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Bản Nà Ng, xã Thanh M, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

2. Lò Thị B, sinh năm 1983; địa chỉ: Bản Tà L, xã Thanh M, thành phố

Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, Trần Thị L đã nhiều lần cho vợ chồng chị Lường Thị Hương, anh Lò Văn Ú và chị Lò Thị B cùng trú tại xã Thanh M, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên vay tiền lấy lãi cao hơn gấp từ 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất, quy định trong Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Ngày 15/02/2020, Trần Thị L cho Lò Thị B vay 4.300.000 đồng trong thời hạn 01 ngày. Ngày 16/02/2020, B chuyển khoản qua ngân hàng trả cho L tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi tương ứngvới mức lãi là 1.674%/năm. Số lãi tối đa L được thu theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 2.400 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 197.600 đồng.

Trong 02 ngày 25 và 27/7/2020, L cho vợ chồng Lường Thị H, Lò Văn Ú vay tổng cộng là 26.000.000 đồng, thời hạn vay 07 ngày, L lấy lãi 700.000 đồng, tương ứng với mức lãi là 138%/năm. Lan trừ thẳng tiền lãi vào tiền gốc, chỉ giao cho vợ chồng Hương, Út số tiền 25.300.000 đồng. Số lãi tối đa L được thu theo quy định là 101.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 599.000 đồng.

Do vợ chồng H, Ú chưa trả được số tiền gốc vay ngày 25, 27/7/2020 và các lần vay trước đó. Ngày 07/8/2020, vợ chồng H, Ú viết giấy chốt số nợ còn lại của L là 286.000.000 đồng, Lan thu 30.720.000 đồng tiền lãi tháng 8/2020, tương ứng với mức lãi là 128%/năm. Số lãi tối đa L được thu theo quy định là 4.766.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 25.954.000 đồng.

Vì tính thiếu số nợ 10.000.000 đồng vợ chồng H, Ú vay của L ngày 09/5/2020 nên ngày 10/9/2020, L cộng vào số nợ chưa trả. Tổng cộng là 296.000.000 đồng; thỏa thuận tính lãi tháng 9/2020 là 35.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi là 141,8%/năm. Ngày 11/9/2020, H Ú mang 35.000.000 đồng tiền lãi tháng 9/2020 đến trả cho Lan. Số lãi tối đa L được thu theo quy định là 4.933.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 30.067.000 đồng. Khi L đang nhận tiền lãi thì bị phòng cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Điện Biên phát hiện, bắt quả tang và tạm giữ của L số tiền 35.000.000 đồng, 01 sổ màu đỏ ghi chép nội dung L cho vay nợ, 01 tờ giấy ghi nội dung L đã nhận số tiền lãi 35.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

61.120.000 đồng tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành, 01 quyển sổ màu đỏ, 01 mảnh giấy, 01 quyển sổ màu đen, 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus.

Cáo trạng số 137/CT-VKSTPĐBP ngày 28/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điên Biên P, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Trần Thị L về tội

"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", quy định tại khoản 1 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Thị L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ; miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc mà bị cáo dùng để cho vay và số tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo thu được từ người vay theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, cụ thể:

- Số tiền 4.300.000 đồng là số tiền vay gốc mà bị cáo đã thu hồi được từ Lò Thị B và số tiền 9.802.400 đồng là số tiền lãi bị cáo đã thu hồi của người vay với mức lãi suất 20%/năm, trong đó 2.400 đồng của Lò Thị B 9.799.600 đồng của vợ chồng H Ú.

- Số tiền 296.000.000 đồng là số tiền vay gốc mà Lường Thị H còn nợ bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho những người vay số tiền 56.817.600, là tổng số tiền lãi bị cáo đã thu lợi vượt quá 20%/năm theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ Luật dân sự năm 2015, trong đó:

- Lò Thị Bình 197.600 đồng;

- Lường Thị Hương 56.620.000 đồng.

Về vật chứng, đồ vật tạm thu, tạm giữ: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng, có số IMEL: 358603074349571, trong điện thoại có sim số thuê bao 0967903916, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Vật chứng hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P có đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 02/12/2020 giữa cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên; 01 quyển sổ màu đen, bên trong có ghi chữ và số không liên quan đến vụ án.

.

2. Tạm giữ số tiền 61.120.000 đồng, tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Lưu hồ sơ vụ án những tài liệu có ý nghĩa chứng minh tội phạm: 01 quyển sổ màu đỏ và 01 mảnh giấy bên trong có ghi nội dung liên quan về hoạt động cho vay.

Án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị L phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố là đúng; không có lời bào chữa cho hành vi phạm tội của bản thân đã gây ra; không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Lò Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập, quá trình điều tra đã có lời khai, việc vắng mặt không gây trở ngại cho xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai và các bản cung của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì vậy đủ cơ sơ kết luận:

Trong năm 2020, tại xã Thanh M, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Trần Thị L đã nhiều lần có hành vi cho người khác vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính với lãi suất cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất do Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thu lời bất chính 56.817.600 đồng, cụ thể: L cho vay tổng cộng 300.300.000 đồng, với lãi suất từ 128% đến 1.674%/năm, thu được

66.620.000 đồng tiền lãi; số lãi tối đa L được thu theo quy định là 9.802.400 đồng, thu lời bất chính 56.817.600 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự; bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội nên cần phát hiện kịp thời và đưa ra xét xử bị cáo với một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung là cần thiết.

[4] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Thị L phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Để tạo điều kiện cho bị cáo học tập, lao động tại cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải của mình ngay trong môi trường xã hội và cũng thể hiện chính sách giáo dục hơn trừng trị của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho UBND nơi cư trú cùng gia đình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo là phù hợp nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ người phạm tội sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án: Bị cáo làm nghề buôn bán nhỏ, thu nhập không ổn định nên không có điều kiện thi hành. Căn cứ khoản 3 Điều 36; khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án và hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc mà bị cáo dùng để cho vay và số tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo thu được từ người vay là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và là khoản tiền do phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, cụ thể:

- Số tiền 4.300.000 đồng là số tiền vay gốc mà bị cáo đã thu hồi được từ người vay Lò Thị B và số tiền 9.802.400 đồng là số tiền lãi bị cáo đã thu của người vay với mức lãi suất 20%/năm, trong đó 2.400 đồng của Lò Thị B, 9.800.000 đồng của vợ chồng H Ú.

- Số tiền 296.000.000 đồng là số tiền vay gốc mà Lường Thị H còn nợ bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho người vay số tiền 56.817.600, là tổng số tiền lãi bị cáo đã thu lợi vượt quá 20%/năm theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ Luật dân sự năm 2015, trong đó:

- Lò Thị Bình 197.600 đồng;

- Lường Thị Hương 56.620.000 đồng.

[7] Về vật chứng, đồ vật tạm thu, tạm giữ: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

7.1. Trả lại bị cáo (Chủ sở hữu) 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng, có số IMEL: 358603074349571, trong điện thoại có sim số thuê bao 0967903916, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 quyển sổ màu đen, bên trong có ghi chữ và số không liên quan đến vụ án. Vật chứng hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P có đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 02/12/2020 giữa cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

7.2. Tạm giữ số tiền 61.120.000 đồng tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

7.3. Lưu hồ sơ vụ án những tài liệu có ý nghĩa chứng minh tội phạm: 01 quyển sổ màu đỏ, 01 mảnh giấy bên trong có ghi nội dung liên quan về hoạt động cho vay.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1, 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự;

- Điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/9/2020 đến ngày 17/9/2020 (Quy đổi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải tiếp tục thi hành 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã Thanh M, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Thanh M, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành án.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Tịc thu sung quỹ Nhà nước:

- Buộc bị cáo giao nộp số tiền 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) là số tiền vay gốc mà bị cáo đã thu hồi được từ người vay.

- Buộc bị cáo giao nộp số tiền 9.802.400 đồng là số tiền thu lời với mức lãi suất 20%/năm.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Lường Thị H giao nộp số tiền vay gốc còn nợ lại là 296.000.000 đồng.

3.2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo trả lại cho những người vay số tiền 56.817.600, trong đó:

- Lò Thị B 197.600 đồng;

- Lường Thị H 56.620.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng, đồ vật tạm thu, tạm giữ:

4.1. Trả lại bị cáo (Chủ sở hữu) 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng, có số IMEL: 358603074349571, trong điện thoại có sim số thuê bao 0967903916, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 quyển sổ màu đen, bên trong có ghi chữ và số không liên quan đến vụ án.Vật chứng, đồ vật tạm thu, tạm giữ hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ có đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 02/12/2020 giữa cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

4.2. Tạm giữ số tiền 61.120.000 đồng tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành của bị cáo để đảm bảo thi hành án. Vật chứng, đồ vật tạm thu, tạm giữ hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ có đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 02/12/2020 giữa cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

4.3. Lưu hồ sơ vụ án những tài liệu có ý nghĩa chứng minh tội phạm: 01 quyển sổ màu đỏ, 01 mảnh giấy bên trong có ghi nội dung liên quan về hoạt động cho vay.

5. Về án phí: Bị cáo Trần Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA

- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên ;
- VKSND thành phố Điện Biên p;
- Công an thành phố Điện Biên p;
- Chi cục THADS thành phố Điện Biên p;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- THA hình Sự;
- UBND xã Thanh M. TP ĐBP;
- lưu HSVA.

Nguyễn Văn Định